

Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM SỐ 46/2010/QH12, LUẬT PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN SỐ 14/2022/QH15 VÀ LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG SỐ 32/2024/QH15

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12, Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 4 như sau:

“15. Chủ trì lập, theo dõi, dự báo và phân tích kết quả thực hiện cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam; lập, theo dõi, và phân tích trạng thái đầu tư quốc tế của Việt Nam.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định, ~~trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật này.~~”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Kho bạc Nhà nước mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ~~huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh~~ không có ~~trụ sở~~ của Ngân hàng Nhà nước **chi nhánh**, việc thực hiện các giao dịch cho Kho bạc Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”.

4. Bổ sung Điều 31a vào trước Điều 31 như sau:

“Điều 31a. Nguyên tắc sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam

Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước để xây dựng Bảng cân đối tiền tệ, xây dựng cán cân thanh toán **quốc tế** của Việt Nam, **xây dựng trạng thái đầu tư quốc tế của Việt Nam** và đánh giá, dự báo xu hướng phát triển của thị trường tiền tệ nhằm phục vụ việc xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia, công tác quản lý ngoại hối.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“Điều 43. Thu, chi tài chính

Thu, chi tài chính của Ngân hàng Nhà nước về nguyên tắc thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước **và phù hợp với hoạt động của Ngân hàng Trung ương**. Thủ tướng Chính phủ quy định những nội dung thu, chi tài chính phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của Ngân hàng Nhà nước.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Kết quả tài chính

Kết quả tài chính hằng năm của Ngân hàng Nhà nước được xác định bằng nguồn thu về hoạt động nghiệp vụ ngân hàng và các nguồn thu khác, sau khi trừ **các khoản** chi phí hoạt động **(bao gồm chi hoạt động nghiệp vụ và chi bộ máy quản lý)** và các khoản dự phòng rủi ro.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 45 như sau:

“3. Kết quả tài chính của Ngân hàng Nhà nước sau khi trích lập các quỹ tại khoản 1 Điều này **và bù đắp chênh lệch chi lớn hơn thu các năm trước (nếu có)** được nộp vào ngân sách nhà nước.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 như sau:

“Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của đối tượng giám sát ngân hàng

1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của ~~Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng~~ **Ngân hàng Nhà nước**; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Báo cáo, giải trình đối với kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng *Ngân hàng Nhà nước*.

3. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng *Ngân hàng Nhà nước*.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 62 như sau:

“Điều 62. Kiểm toán nội bộ

1. ~~Kiểm toán nội bộ là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ Ngân hàng Nhà nước.~~

2. ~~Quy chế kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.~~

Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ theo Quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.”

11. Bãi bỏ khoản 2 Điều 22, khoản 5 Điều 32, Điều 49.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15

1. Bổ sung điểm n vào sau điểm m khoản 1 Điều 4 như sau:

“n) Dịch vụ tài sản mã hóa”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thông tin nhận biết khách hàng

Đối tượng báo cáo phải thu thập các thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm:

1. Thông tin nhận dạng khách hàng, kể cả thông tin về người đại diện của khách hàng cá nhân (nếu có):

a) Đối với khách hàng cá nhân có một quốc tịch là người Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại liên lạc; số Chứng minh nhân dân *Căn cước* hoặc số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại khác (nếu có);

b) *Đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ (nếu có); số Hộ chiếu hoặc*

thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu có). Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam phải có thêm số thị thực nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật; số điện thoại liên lạc và địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam;

~~Đối với khách hàng cá nhân có một quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại liên lạc; số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; số thị thực nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật; địa chỉ cư trú ở nước ngoài và địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam;~~

~~e) Đối với khách hàng cá nhân có một quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số Hộ chiếu hoặc thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ cư trú ở nước ngoài;~~

~~d) Đối với khách hàng cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên: thông tin tương ứng quy định tại điểm a, b hoặc c khoản này; quốc tịch, địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch còn lại;~~

~~đ-c) Đối với khách hàng cá nhân là người không quốc tịch: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp, chức vụ; số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (nếu có), số thị thực; cơ quan cấp thị thực nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật; địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu có), địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam;~~

e-d) Đối với khách hàng tổ chức: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; hình thức pháp lý, địa chỉ trụ sở chính và địa điểm kinh doanh chính (nếu khác với địa chỉ trụ sở chính); số giấy phép thành lập, mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế; số điện thoại liên lạc; số fax, trang thông tin điện tử (nếu có); lĩnh vực hoạt động và kinh doanh; thông tin về người thành lập (nếu có hoặc nếu xác định được), người đại diện theo pháp luật, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) của tổ chức bao gồm các thông tin tương ứng quy định tại điểm a, b, c, d hoặc đ khoản này và các thông tin tại điểm này đối với trường hợp người thành lập là tổ chức.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Xác minh thông tin nhận biết khách hàng

1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng **quy định tại Điều 10 Luật này, bao gồm:**

a) Đối với khách hàng cá nhân: ~~Chứng minh nhân dân-Căn cước~~, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Đối với khách hàng tổ chức: giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; quyết định về tổ chức lại, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của tổ chức (nếu có); điều lệ của tổ chức (**nếu có**); quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có); các tài liệu, dữ liệu liên quan đến người thành lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức, chủ sở hữu hưởng lợi.

c) Đối với khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý: Văn bản thành lập thỏa thuận pháp lý; tài liệu đăng ký thỏa thuận pháp lý (nếu có) và các tài liệu có liên quan đến việc thành lập thỏa thuận pháp lý khác (nếu có).

d) Các tài liệu, dữ liệu và nguồn thông tin đáng tin cậy khác có liên quan.

2. Đối tượng báo cáo có thể khai thác thông tin trong các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật, thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức khác quy định tại Điều 13 hoặc bên thứ ba quy định tại Điều 14 của Luật này để đối chiếu, xác minh thông tin do khách hàng cung cấp.

3. Đối với khách hàng là tổ chức, đối tượng báo cáo phải xác minh tư cách pháp lý, cấu trúc sở hữu và quyền kiểm soát của tổ chức đó thông qua các tài liệu thu thập từ các nguồn độc lập để xác định chính xác cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng.

4. Trường hợp không thể hoàn thành việc xác minh thông tin theo quy định do khách hàng không cung cấp đủ thông tin hoặc thông tin không thể xác thực từ nguồn độc lập, đối tượng báo cáo không được thực hiện giao dịch, không được thiết lập hoặc phải chấm dứt mối quan hệ kinh doanh và xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định của pháp luật.

5. Đối tượng báo cáo thực hiện xác minh thông tin nhận biết khách hàng trước hoặc trong quá trình thiết lập mối quan hệ kinh doanh với khách hàng hoặc khi thực hiện giao dịch đối với các khách hàng không thường xuyên. Trong trường hợp pháp luật cho phép xác thực sau khi thiết lập mối quan hệ kinh doanh, đối tượng báo cáo cần đảm bảo việc xác minh thông tin

nhận biết khách hàng được thực hiện sớm nhất có thể mà không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của đối tượng báo cáo và trên cơ sở quản lý hiệu quả rủi ro rửa tiền.

6. Đối tượng báo cáo phải có quy trình quản lý rủi ro đối với các trường hợp/điều kiện khách hàng có thể tận dụng mối quan hệ kinh doanh được thiết lập trước đây để xác minh thông tin nhận biết khách hàng.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Đối tượng báo cáo phải ban hành ***và thực hiện đầy đủ các*** chính sách, quy trình để nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới nhằm mục đích sau đây:

- a) Phát hiện, ngăn chặn việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới để rửa tiền;
- b) Quản lý rủi ro về rửa tiền khi thiết lập giao dịch với khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Giám sát một số *mối quan hệ kinh doanh và giao dịch đặc biệt*

1. Đối tượng báo cáo phải giám sát ***các mối quan hệ kinh doanh và đối với*** giao dịch đặc biệt sau đây:

a) Giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp theo quy định của Chính phủ;

b) ***Mối quan hệ kinh doanh hoặc giao dịch liên quan đến*** ~~Giao dịch với~~ tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc Danh sách cảnh báo.

2. Để giám sát ***các mối quan hệ kinh doanh và*** giao dịch đặc biệt ***quy định tại khoản 1 Điều này***, đối tượng báo cáo phải:

a) Áp dụng các biện pháp tăng cường quy định tại điểm c khoản 2 Điều 16 của Luật này; ***phù hợp với mức độ rủi ro đối với cả mối quan hệ kinh doanh và giao dịch.***

b) Kiểm tra thông tin, *bối cảnh* và mục đích của giao dịch; trường hợp có nghi ngờ, đối tượng báo cáo phải xem xét, phân tích, báo cáo giao dịch đáng ngờ và có thể từ chối giao dịch đó.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 26 như sau:

“Điều 26. Báo cáo giao dịch đáng ngờ

1. *Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản do phạm tội mà có.*

Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản do phạm tội mà có được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin khi khách hàng, giao dịch có một hoặc nhiều dấu hiệu đáng ngờ quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 và 33a của Luật này hoặc có thể từ các dấu hiệu khác do đối tượng báo cáo xác định.

2. Khi phát hiện dấu hiệu đáng ngờ ngoài các dấu hiệu quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 và 33a của Luật này, đối tượng báo cáo, các Bộ, ngành có liên quan thông báo cho NHNN

3. Căn cứ yêu cầu của công tác PCRT trong từng thời kỳ, NHNN trình Chính phủ bổ sung các dấu hiệu đáng ngờ theo các ngành, lĩnh vực ngoài các dấu hiệu quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 và 33a của Luật này.”.

7. Bổ sung Điều 33a vào sau Điều 33 như sau:

“Điều 33a. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực tài sản mã hóa

1. *Chia nhỏ giao dịch tài sản mã hóa thành nhiều khoản có giá trị thấp hơn mức quy định về nhận biết khách hàng hoặc về báo cáo theo quy định; hoặc thực hiện nhiều giao dịch giá trị lớn trong thời gian ngắn mà không có mục đích kinh doanh rõ ràng.*

2. *Nạp, giao dịch và rút tài sản mã hóa liên tiếp trong thời gian rất ngắn ngay sau khi thiết lập quan hệ khách hàng, không phù hợp với hồ sơ và đặc điểm của khách hàng; hoặc thực hiện giao dịch tới, từ tài khoản mới mở hoặc tài khoản đã không hoạt động trong thời gian dài.*

3. *Chuyển ngay tài sản mã hóa tới nhiều nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa tại các quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao về rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc có khuôn khổ phòng, chống rửa tiền yếu kém, trong khi không có mối liên hệ hợp lý với nơi cư trú hoặc địa điểm hoạt động của khách hàng.*

4. Chuyển đổi tài sản mã hóa sang nhiều loại tài sản mã hóa khác nhau hoặc sang tiền pháp định trong điều kiện bất lợi về giá, chấp nhận thua lỗ hoặc chịu mức phí giao dịch cao bất thường so với mặt bằng thị trường mà không có lý do kinh doanh hợp lý.

5. Nhiều tài khoản hoặc nhiều ví không có mối liên hệ rõ ràng cùng chuyển tài sản mã hóa về một địa chỉ ví duy nhất hoặc tới cùng một nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa; hoặc một tài khoản chuyển tài sản mã hóa tới nhiều ví khác nhau với giá trị tương đương nhau liên tiếp trong thời gian ngắn.

6. Sử dụng tài sản mã hóa có tính năng tăng cường ẩn danh, dịch vụ trộn giao dịch hoặc thực hiện nhiều lần chuyển đổi qua các loại tài sản mã hóa khác nhau nhằm che giấu nguồn gốc, đường đi của tài sản hoặc làm gián đoạn khả năng truy vết giao dịch.

7. Giao dịch tài sản mã hóa từ các địa chỉ ví hoặc các nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa đã được cơ quan có thẩm quyền xác định hoặc cảnh báo có liên quan đến hoạt động phạm tội, chợ đen, tống tiền, lừa đảo, cờ bạc trực tuyến bất hợp pháp hoặc tài sản bị đánh cắp.

8. Khách hàng truy cập nền tảng của nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa qua các công cụ cho phép ẩn danh danh tính hoặc ẩn danh địa chỉ giao thức Internet; hoặc sử dụng nhiều địa chỉ giao thức Internet khác nhau, không nhất quán với thông tin địa lý trong hồ sơ khách hàng đã được xác minh; hoặc nhiều ví tài sản mã hóa đứng tên các danh tính khác nhau nhưng có dấu hiệu được vận hành từ cùng một thiết bị hoặc địa chỉ giao thức Internet.

9. Khách hàng từ chối, trì hoãn cung cấp tài liệu nhận biết khách hàng, thông tin về nguồn gốc tài sản; cung cấp tài liệu có dấu hiệu giả mạo hoặc thông tin không nhất quán; hoặc không thể giải thích hợp lý về giao dịch, nguồn gốc tài sản và mối quan hệ với bên đối tác.

10. Địa chỉ ví tài sản mã hóa của khách hàng xuất hiện trên các nguồn thông tin công khai có liên quan đến hoạt động bất hợp pháp; hoặc tài sản mã hóa nạp, rút có lịch sử qua các cầu nối liên chuỗi được đánh giá có rủi ro cao.

11. Khách hàng có dấu hiệu đứng tên hộ, bị lợi dụng làm trung gian hoặc là nạn nhân của lừa đảo, bao gồm trường hợp khách hàng có hiểu biết hạn chế về tài sản mã hóa nhưng thực hiện giao dịch với tần suất và giá trị

lớn không tương xứng với hồ sơ tài chính cá nhân; hoặc thực hiện giao dịch theo chỉ dẫn của bên thứ ba.

12. Nguồn tài sản của khách hàng chủ yếu hình thành từ tài sản mã hóa, từ các đợt phát hành tài sản mã hóa lần đầu thiếu minh bạch hoặc có dấu hiệu gian lận; hoặc tài sản mã hóa của khách hàng có nguồn gốc trực tiếp từ các dịch vụ trộn giao dịch hoặc từ các nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thiếu kiểm soát về phòng, chống rửa tiền.

13. Giao dịch với nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa chưa được đăng ký, cấp phép hoạt động; hoặc giao dịch liên quan đến quốc gia, vùng lãnh thổ có khuôn khổ phòng, chống rửa tiền yếu kém hoặc thuộc danh sách giám sát tăng cường theo công bố của các tổ chức phòng, chống rửa tiền quốc tế.

14. Nội dung ghi chú kèm theo giao dịch tài sản mã hóa có dấu hiệu liên quan đến hoạt động bất hợp pháp; hoặc khách hàng thường xuyên thay đổi các thông tin nhận dạng và xác thực quan trọng không phù hợp với hành vi sử dụng thông thường; hoặc nhiều lần cố gắng truy cập nền tảng của nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa từ các địa chỉ giao thức Internet khác nhau.

15. Khách hàng sử dụng sàn giao dịch tài sản mã hóa hoặc nền tảng giao dịch ở các quốc gia, vùng lãnh thổ đã được cơ quan chức năng Việt Nam và các nước trên thế giới xác định là điểm nóng về tội phạm lừa đảo xuyên quốc gia.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo sau đây:

a) Thông tin, hồ sơ, tài liệu nhận biết khách hàng;

~~b) Kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo;~~

e-b) Thông tin, hồ sơ, tài liệu, *kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng;*

~~c) Thông tin liên quan đến tất cả các giao dịch bao gồm cả giao dịch trong nước và quốc tế; khác liên quan đến khách hàng, giao dịch phải báo cáo~~

d) Báo cáo giao dịch quy định tại các điều 25, 26 và 34 của Luật này và thông tin, hồ sơ, tài liệu kèm theo giao dịch báo cáo.

2. Thời hạn lưu trữ quy định như sau:

a) ***Ít nhất 05 năm*** kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản ***hoặc chấm dứt giao dịch kinh doanh*** hoặc ngày báo cáo đối với các thông tin, hồ sơ, tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này;

b) ***Ít nhất 05 năm*** kể từ ngày phát sinh giao dịch đối với các báo cáo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

c) ***Ít nhất 10 năm đối với lịch sử giao dịch, thông tin về người khởi tạo, người thụ hưởng (tối thiểu tên, địa chỉ, địa chỉ ví), lịch sử địa chỉ thiết bị đăng nhập hoặc địa chỉ giao thức Internet (sau đây gọi là địa chỉ IP) truy cập; thông tin thiết bị truy cập; thông tin mở tài khoản, thông tin tài khoản ngân hàng liên kết của nhà đầu tư.***

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Bảo đảm bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo

1. Đối tượng báo cáo, ***giám đốc, cán bộ quản lý và nhân viên của tổ chức tài chính*** phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và bảo mật thông tin nhận biết khách hàng đối với thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của Luật này.

2. Đối tượng báo cáo, ***giám đốc, cán bộ quản lý và nhân viên của tổ chức tài chính*** không được tiết lộ ***cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào*** thông tin về việc đã báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc thông tin liên quan đến giao dịch đáng ngờ.”

10. Bổ sung Điều 48a vào sau Điều 48 như sau:

“Điều 48a. Trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ

1. Thanh tra hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ không có Thanh tra Bộ, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành có liên quan định kỳ thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Luật này.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

“Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán, dịch vụ kế toán, trò chơi điện tử có thưởng, casino, xổ số, đặt cược và dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

2. **Thanh tra hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực chứng khoán; tài sản mã hóa**—~~Thanh tra, K~~kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

“Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản và dịch vụ tư vấn bất động sản.

2. ~~Thanh tra, K~~kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền ~~trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản và dịch vụ tư vấn bất động sản~~ quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này **đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.**”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:

“Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực công chứng, hành nghề luật sư.

2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Thanh tra, Kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực công chứng, hành nghề luật sư quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này *đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.*”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

“Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh kim khí quý, đá quý, trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức, mỹ nghệ.

2. Thanh tra, Kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh kim khí quý, đá quý, trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức, mỹ nghệ quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này *đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.*”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 58 như sau:

“Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet.

2. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh

giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này.

~~4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc thông tin, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống rửa tiền.~~

Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng.

2. Kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:

“Điều 59. Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác

1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.

2. ~~Thanh tra,~~ ~~K~~kiểm tra đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành có liên quan định kỳ thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Luật này.”.

17. Bãi bỏ Điều 55, khoản 1 Điều 64.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 114 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

Bổ sung điểm e vào khoản 2 Điều 114 như sau:

“e) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm của trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ”.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ... , Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI